|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP****VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2019/TT-BNNPTNT | *Hà Nội, ngày*  *tháng năm*  |

 **DỰ THẢO**

**THÔNG TƯ**

**Quy định về chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước**

**của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

*Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;*

*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định chế độ báo cáo ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong phạm vi quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực: nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, phòng, chống thiên tai, phát triển nông thôn.

2. Thông tư này không điều chỉnh:

a) Chế độ báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê;

b) Chế độ báo cáo mật theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước;

c) Chế độ báo cáo trong nội bộ các cơ quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chế độ báo cáo chuyên đề và báo cáo đột xuất thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện theo các nội dung quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP, ngày 24/01/2019 Quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước (sau đây viết tắt là Nghị định số 09/2019/NĐ-CP).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức có liên quan đến việc thực hiện các chế độ báo cáo định kỳ trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ**

**Điều 3.** **Yêu cầu** **đối với chế độ báo cáo** **định kỳ**

1.Chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hoặc tham mưu ban hành.

2. Chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Phụ lục kèm theo Thông tư này.

**Điều 4. Hình thức báo cáo định kỳ**

1. Báo cáo bằng văn bản giấy, có chữ ký của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, đóng dấu theo quy định.

2. Báo cáo bằng văn bản điện tử, có chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định.

**Điều 5. Phương thức gửi, nhận báo cáo định kỳ**

Báo cáo được gửi/nhận bằng một trong các phương thức sau:

1. Gửi/nhận trực tiếp;
2. Gửi/nhận qua dịch vụ bưu chính;
3. Gửi/nhận qua Fax;

d) Gửi/nhận qua hệ thống thư điện tử;

đ) Gửi/nhận qua hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

e) Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 6. Thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn gửi báo cáo**

1.Thời gian chốt số liệu báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

2. Thời hạn gửi báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

**Điều 7. Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được xây dựng trên cơ sở chế độ báo cáo định kỳ do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

2. Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải đáp ứng các nguyên tắc, yêu cầu theo quy định tại Điều 18, Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

3. Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được xây dựng, cài đặt tích hợp với hệ thống quản lý văn bản điều hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và được phép trích xuất các báo cáo tổng hợp từ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, bảo đảm biểu mẫu thống nhất với biểu mẫu được Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia cung cấp

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 8. Trách nhiệm của Văn phòng Bộ**

1. Tham mưu, giúp Bộ trưởng hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này; quản lý lưu trữ, chia sẻ các thông tin báo cáo của ngành, lĩnh vực do Bộ quản lý, ban hành.

2. Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ và kết nối, chia sẽ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và các Bộ, cơ quan, địa phương.

3. Hướng dẫn, tổ chức tập huấn nghiệp vụ cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu từ hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Chủ trì trình Bộ công bố danh mục báo cáo định kỳ tại các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng ban hành hoặc tham mưu ban hành, công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ và cập nhật, công bố thường xuyên khi có sự thay đổi theo quy định.

**Điều 9. Trách nhiệm của Trung tâm Tin học và Thống kê**

1.Xác định cấp độ bảo đảm an toàn thông tin và thực hiện phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ đối với hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật. Thiết lập các hệ thống giám sát, phòng, chống thất thoát dữ liệu; phòng, chống vi rút để đảm bảo an toàn, an ninh cho hệ thống.

2.Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ thực hiện các biện pháp giám sát, bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin phục vụ kết nối, tích hợp, chia sẽ dữ liệu trên hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ**

1. Thường xuyên tổ chức rà soát chế độ báo cáo định kỳ để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, đáp ứng các nguyên tắc và yêu cầu của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

2. Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu báo cáo của đơn vị theo hướng dẫn của Văn phòng Bộ trên cơ sở phân định quyền hạn, trách nhiệm cụ thể, đồng thời tuân thủ Luật tiếp cận thông tin.

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 11. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.... tháng.... năm 2019.

2. Các chế độ báo cáo định kỳ do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành trước đây trái với Thông tư này sẽ hết hiệu lực khi Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Chế độ báo cáo định kỳ do Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hoặc tham mưu ban hành sau khi Thông tư này có hiệu lực thì phải thực hiện theo đúng các nguyên tắc, yêu cầu của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

**Điều 12. Trách nhiệm thi hành**

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan hành chính nhà nước và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:****-* Thủ tướng Chính phủ;- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- Văn phòng Quốc hội;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Văn phòng Chính phủ;- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Tòa án nhân dân tối cao;- Kiểm toán Nhà nước;- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);- Công báo, Website Chính phủ;- Lưu: VT, TCCB. |  **BỘ TRƯỞNG** **Nguyễn Xuân Cường** |